

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 12 - 03 - 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Điền và ông Nguyễn Thế Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2018/TLST-HS, ngày 23/01/2018, đối với các bị cáo:

1. Trần B, tên gọi khác: “X”; sinh ngày 24 tháng 4 năm 1992 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn L, xã A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tr và bà Nguyễn Thị B; chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án: Không có; nhân thân: Bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng, theo Quyết định số 2025/QĐ-UB-NC ngày 03/12/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, đến ngày 04/8/2009 chấp hành xong Quyết định; bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 11 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2012/HSST ngày 29/11/2012, đến ngày 04/7/2013 chấp hành xong bản án; bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/10/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Thế H, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 26 tháng 8 năm 1993 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Thế L và bà Ngô Thị T; chưa có vợ, con; tiền sự: Không có; tiền án: Có 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm

cấp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 169/2016/HSST ngày 24/8/2016, đến ngày 01/01/2017 chấp hành xong hình phạt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Chí Th, tên gọi khác: “N”; sinh ngày 25 tháng 02 năm 1993 tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Hồ Thị Thu Ph; chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/12/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Hồ Quang T, sinh năm 1975, chị Mai Thị H, sinh năm 1985; đều cư trú tại: Thôn H, xã X, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Anh Lê Nhật Tr, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố Y, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Anh Trần Hữu H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Anh Phan Văn C, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số nhà 21/1 đường ĐVN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Thúy K, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Chị Võ Thị D, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn X, xã A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Bà Ngô Thị T, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị Thu Ph, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đối với các bị cáo Trần B, Hồ Thế H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố về hành vi "Trộm cắp tài sản" như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 22/10/2017, Trần B đến nhà anh Nguyễn Hoàng P để gặp Hồ Thế H. Tại đây, B rủ H đi trộm cắp tài sản để tiêu xài và H đồng ý. B gọi điện thoại cho anh Trần Hữu H để mượn xe mô tô biển kiểm soát 75F9 - ABCD của anh H, khoảng 10 phút sau, anh H đưa xe đến cho B, B giao xe cho H trực tiếp điều khiển chở B đi từ xã A đến xã X tìm nhà vắng người để vào trộm tài sản. Khi đi đến ngã ba đường Quốc lộ 49B thuộc xã X, huyện P, B nói với H điều khiển xe mô tô đi vào đường nhánh phía bên trái. Đi được một đoạn, B phát hiện nhà của vợ chồng chị Mai Thị H và anh Hoàng Quang T ở thôn H, xã X, huyện P (lúc này chị H đang đóng cửa chuẩn bị đi khỏi nhà). Thấy vậy, B nói với H điều khiển xe mô tô chạy qua nhà chị H khoảng 300 mét rồi dừng lại và nói: “Sau này có nhà, người nhà sắp đi vắng”. Khi B và H thấy chị H đi khỏi nhà, thì H điều khiển xe mô tô chở B vào nhà chị H, B đi vào giả vờ gõ cửa và gọi to: “Có ai ở nhà không”, không nghe ai trả lời nên B đi đến cửa hông phía bên trái nhà (hướng từ ngoài vào trong nhà); B dùng tay phá cửa che bằng tôn rồi chui vào nhà đi đến mở cửa hông phòng khách, đồng thời gọi H vào cùng lục soát tìm kiếm tài sản để trộm cắp. B đi vào phòng bếp phát hiện hai tủ nhựa đặt ở hai đầu giường ngủ, B lục soát tủ nhựa thứ nhất lấy được 200.000 đồng (ở trong một chiếc ví da màu đà) bỏ vào túi quần bên trái; còn H lục soát, tìm kiếm tài sản tại phòng khách và phòng ngủ nhưng không lấy được tài sản gì nên H đi ra trước hiên nhà đứng canh giới cho B.

B tiếp tục lục soát tủ nhựa ở phía chân giường, phát hiện ngăn nhỏ bên trên tủ bị khóa nên B dùng tay giật mạnh ra thấy bên trong có túi nylon màu đen, B lấy và xé túi nylon ra thấy bên trong có bốn hộp nhựa màu hồng (một hộp lớn, ba hộp nhỏ), B mở hộp nhựa lớn lấy được sợi dây chuyền vàng và lắc vàng, mở tiếp hai hộp nhựa nhỏ lấy được hai nhẫn vàng rồi bỏ tất cả vào túi quần bên trái (còn lại một hộp nhựa nhỏ B chưa lấy được). Lấy xong, B lên xe mô tô H điều khiển cùng đi về nhà anh Nguyễn Hoàng P. Trên đường về, H hỏi: “Có lấy được gì không”, B đáp: “Lấy được tiền và vàng”, đồng thời B lấy lắc vàng trong túi quần ra đưa cho H xem và nói: “Mới lấy trộm được”, rồi cất lại vào túi quần của mình. Lúc về đến nhà anh Nguyễn Hoàng P, Trần B gọi điện cho anh Trần Hữu H đến và trả lại xe mô tô 75F9 - ABCD cho anh H. Sau đó, B cùng H ngồi nhậu tại nhà anh P. Sau khi nhậu xong, B kiểm tra số vàng mà B đã trộm cắp được, thì phát hiện sợi dây chuyền và hai nhẫn vàng đã bị mất, chỉ còn lại chiếc lắc vàng nên B đưa cho H cất giữ để đi tiêu thụ.

Đối với bị cáo Nguyễn Chí Th bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" như sau:

Sau khi trộm cắp lắc vàng đưa cho Hồ Thế H, do H chưa bán được, nên đến sáng ngày 24/10/2017 Trần B gặp H lấy lại lắc vàng để đem đi tiêu thụ. Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, B rủ Nguyễn Chí Th đến quán cà phê “CD” thuộc xã Đ,

huyện P uống cà phê. Trong lúc ngồi uống cà phê, B đưa ra cái lắc vàng và nói với Th “Đi bán cái lắc rồi tau đưa tiền cho mà mượn”, Th nói “Tau sợ lắm”, đồng thời hỏi B: “Mi lấy chỗ nào đây”, B trả lời: “Yên tâm đi, tau lấy xa lắm, không trong ba xã ở đây mô mà lo”. Nghe B nói vậy, lúc này Th biết rõ lắc đeo tay kim loại vàng là tài sản do B trộm cắp mà có, nhưng do muốn có tiền để tiêu xài nên Th đồng ý đi bán chiếc lắc vàng cho B. Th điều khiển xe mô tô 75F7-EFGH chở B đi đến cửa hàng mua bán vàng “K” ở thị trấn L, huyện P. Đến nơi, B ngồi ở quán cà phê chờ, còn Th cầm lắc vàng vào bán cho anh Lê Nhật Tr chủ cửa hàng được: 9.750.000 đồng (chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi bán xong, Th cất giữ riêng cho mình 1.550.000 đồng, rồi nói với B bán được gần tám triệu, B cho Th mượn 2.500.000 đồng, còn lại số tiền 5.700.000 đồng Thiện đưa cho B. Th sử dụng 2.500.000 đồng trả cho chị Lê Thị Thúy K do Th đã mượn tiền chị K trước đó, số tiền còn lại 1.550.000 đồng Th sử dụng tiêu xài cá nhân.

Đối với Trần B và Hồ Thế H cũng đã sử dụng số tiền 5.700.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P tạm giữ gồm:

- Một cái lắc đeo tay kim loại màu vàng gồm nhiều móc xoắn gắn kết với bốn hình chữ nhật, có móc khóa hình số “8”, trên móc khóa có một miếng kim loại màu vàng hình trái tim (tạm giữ từ anh Lê Nhật Tr - chủ cửa hàng mua bán vàng “K”);
- Xe mô tô biển kiểm soát 75F9-ABCD (xe của Trần Hữu H);
- Xe mô tô biển kiểm soát 75F7-EFGH, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe (xe của bị cáo Nguyễn Chí Th);
- Số tiền 2.500.000 đồng, tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành (tạm giữ của chị Lê Thị Thúy K);
- Điện thoại di động nhãn hiệu E-CoMobile màu xanh trắng, kèm theo sim (tạm giữ của bị cáo Hồ Thế H);
- Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, kèm theo sim (tạm giữ của bị cáo Trần B).

Đối với sợi dây chuyền vàng và hai khâu nhẫn vàng, B đã đánh rơi trên đoạn đường đi từ nhà vợ chồng chị Mai Thị H và anh Hoàng Quang T đến nhà anh Nguyễn Hoàng P. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tổ chức truy tìm nhưng không có kết quả.

Ngày 27/10/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã có kết luận, xác định: Một sợi dây chuyền kim loại vàng, khối lượng 04 chỉ; một khâu nhẫn kim loại vàng, khối lượng 02 chỉ và một khâu nhẫn kim loại vàng, khối lượng 01 chỉ. Tổng cộng 07 chỉ, giá trị 24.010.000 đồng. *(Số vàng này không thu hồi lại được - định giá qua hồ sơ, tài liệu).*

Ngày 13/11/2017 Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế đã có kết luận xác định cái lắc đeo tay kim loại màu vàng, có khối lượng 03 chỉ, chất lượng 97% vàng.

Ngày 13/11/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã có kết luận, xác định cái lắc đeo tay kim loại vàng, có khối lượng 03 chỉ, giá trị: 10.290.000 đồng.

Ngày 22/11/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra quyết định xử lý vật chứng số: 41/QĐ trả lại xe mô tô biển kiểm soát 75F9-ABCD cho anh Trần Hữu H. Ngày 05/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra quyết định xử lý vật chứng số: 01/QĐ trả lại lắc đeo tay kim loại vàng, có khối lượng 03 chỉ, cho vợ chồng chị Mai Thị H và anh Hoàng Quang T.

Các vật chứng còn lại hiện đang được tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án tự nguyện thỏa thuận và đã thống nhất bồi thường như sau:

Các bị cáo Trần B và Hồ Thế H cùng với gia đình thỏa thuận bồi thường cho vợ chồng chị Mai Thị H và anh Hoàng Quang T với tổng số tiền là: 24.280.000 đồng. Trong đó, bị cáo B bồi thường 12.150.000 đồng, bị cáo H bồi thường 12.130.000 đồng.

Các bị cáo Trần B, Hồ Thế H và Nguyễn Chí Th cùng với gia đình thỏa thuận bồi thường cho anh Lê Nhật Tr số tiền anh Tr đã mua lắc đeo tay bằng vàng là 9.750.000 đồng. Trong đó, bị cáo Nguyễn Chí Th bồi thường: 4.050.000 đồng, các bị cáo B và H mỗi bị cáo bồi thường: 2.850.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKSPL ngày 22/01/2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố các bị cáo Trần B, Hồ Thế H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); truy tố bị cáo Nguyễn Chí Th về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên toàn bộ cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Trần B, Hồ Thế H, Nguyễn Chí Th và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Đối với bị cáo Trần B: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/QH 13; khoản 1 Điều 138; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999, đề nghị xử phạt bị cáo Trần B từ 1 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam 27/10/2017.

Đối với bị cáo Hồ Thế H: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/QH 13; khoản 1 Điều 138; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h

khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 1999, đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Thế H từ 1 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam 27/10/2017.

Đối với bị cáo Nguyễn Chí Th: áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Chí Th từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về vấn đề dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong giai đoạn điều tra.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại 2.500.000 đ cho chị Lê Thị Thúy K. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu LIFAN, biển kiểm soát 75 F7 - EFGH của bị cáo Nguyễn Chí Th. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu E-CoMobile màu xanh trắng của bị cáo Hồ Thế H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của bị cáo Trần B; tịch thu tiêu hủy 2 sim điện thoại di động của các bị cáo Trần B, Hồ Thế H.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với hành vi “Trộm cắp tài sản” của các bị cáo Trần B, Hồ Thế H, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận:

Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 22/10/2017, Trần B, Hồ Thế H đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà của vợ chồng chị Mai Thị H, anh Hoàng Quang T để trộm cắp tài sản là tiền, vàng của vợ chồng chị H, anh T, qua định giá xác định được giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 34.500.000 đồng (200.000 Việt Nam đồng và 10 chỉ vàng có giá trị 34.300.000 đồng).

[2] Đối với hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của bị cáo Nguyễn Chí Th, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo Th tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo Trần B, Hồ Thế H, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận:

Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 24/10/2017 khi bị cáo Nguyễn Chí Th gặp bị cáo Trần B và Th được B cho biết đã trộm cắp được một lắc vàng có khối lượng 03

chỉ, Th biết rõ đây là tài sản do B trộm cắp mà có; tuy không hứa hẹn trước nhưng do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, Th đồng ý tiêu thụ tài sản này bằng cách sử dụng phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 75F7 - EFGH của Th đem bán cho anh Lê Nhật Tr là chủ cửa hàng vàng bạc “K” được 9.750.000 đồng.

Với những hành vi đã thực hiện và giá trị tài sản bị chiếm đoạt, tiêu thụ đã được giám định và kết luận như trên. Các bị cáo Trần B, Hồ Thế H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Bị cáo Nguyễn Chí Th đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố đối với các bị cáo Trần B, Hồ Thế H, Nguyễn Chí Th theo tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ pháp luật.

Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Nhận thức được hành vi trái pháp luật, nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo Trần B, Hồ Thế H đã từng có nhân thân xấu và tiền án đều về tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn huyện P. Nên cần phải xét xử nghiêm minh đối với các bị cáo thì mới đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống có hiệu quả đối với loại tội phạm này.

Xét vị trí và vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vụ án có đồng phạm, nhưng tính chất giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ về mặt tổ chức. Trong đó, bị cáo Trần B vừa là người chủ mưu, khởi xướng vừa là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cùng với bị cáo Nguyễn Chí Th đi tiêu thụ tài sản trộm cắp. Bị cáo Hồ Thế H là đồng phạm tiếp nhận ý chí, giúp sức tích cực cho bị cáo Bình trong việc trộm cắp tài sản. Bị cáo Nguyễn Chí Th là người trực tiếp đem tài sản bị cáo B, H trộm cắp được đi tiêu thụ.

Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với bị cáo Trần B mặc dù theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Bộ luật hình sự năm 1999 thì bị cáo thuộc trường hợp đã hết thời hiệu xác định còn tiền sự, tiền án, nhưng có nhân thân xấu, ngày 03/12/2007 đã từng bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P quyết định đưa vào trường giáo dưỡng; ngày 29/11/2012 đã bị Tòa án nhân dân huyện P xét xử và kết án 11 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đối với bị cáo Hồ Thế H đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 169/2016/HSST ngày 24/8/2016 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh; nên bị cáo H đã phạm vào tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Chí Th nhân thân chưa có tiền sự, tiền án. Các bị cáo Trần B, Hồ Thế H, Nguyễn Chí Th đều đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả gây ra; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều tỏ thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; nên cả ba bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm

nhẹ “Người phạm tội bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b và “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Chí Th được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện hành vi, tính chất đồng phạm, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và quá trình nhân thân của các bị cáo Trần B, Hồ Thế H, Nguyễn Chí Th. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù và cách ly các bị cáo B, H ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với bị cáo Th được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo; Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cần áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt tù cho hưởng án treo cũng phát huy tác dụng hình phạt.

Trong vụ án này, đối với anh Trần Hữu H là người đã cho các bị cáo Trần B, Hồ Thế H mượn xe mô tô 75F9 - EFGH của mình, quá trình điều tra xác định được anh H không biết các bị cáo mượn xe để đi trộm cắp tài sản. Đối với anh Lê Nhật Tr chủ cửa hàng vàng bạc “K” đã mua vàng do bị cáo Th bán, quá trình điều tra xác định được anh Tr không biết đó là tài sản trộm cắp. Đối với chị Lê Thị Thúy K đã nhận số tiền 2.500.000 đồng do bị cáo Th trả nợ, khi nhận tiền chị K không biết số tiền này do Th có được do phạm tội mà có. Do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện P không xem xét trách nhiệm của anh H, anh Tr, chị K là có căn cứ pháp luật.

[3] Về vấn đề dân sự: Quá trình điều tra, người bị hại là vợ chồng chị Mai Thị H, anh Hoàng Quang T đã được trả lại tài sản và nhận đủ số tiền các bị cáo và gia đình thỏa thuận bồi thường số tiền 24.280.000 đồng. Đối với anh Lê Nhật Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được các bị cáo trả lại số tiền 9.750.000 đồng. Chị Mai Thị H, anh Hoàng Quang T, anh Lê Nhật Tr đều không có yêu cầu gì thêm về vấn đề dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 75F7 - EFGH của bị cáo Nguyễn Chí Th là phương tiện bị cáo sử dụng để chở bị cáo Trần B đem tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu E-CoMobile màu xanh trắng kèm theo sim của bị cáo Hồ Thế H, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, kèm theo sim của bị cáo Trần B; đây là những phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với điện thoại di động của các bị cáo, tịch thu tiêu hủy đối với 02 sim điện thoại. Đối với số tiền 2.500.000 đồng chị Lê Thị Thúy K đã giao nộp, đây là số tiền bị cáo Nguyễn Chí Th có được sau khi thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do các bị cáo Trần B, Hồ Thế H phạm tội mà có. Lời khai của chị K và bị cáo Th tại phiên tòa thể hiện mục

đích bị cáo trả số tiền này do trước đó bị cáo có mượn tiền của chị K để chuộc điện thoại di động bị cáo cầm cố. Khi nhận số tiền này, chị K cũng không biết là tiền bị cáo Th phạm tội mà có. Hội đồng xét xử thấy rằng việc bị cáo Th vay mượn tiền của chị K là một giao dịch dân sự không liên quan đến vụ án này, theo quy định của pháp luật thì 2.500.000 đồng chị K giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện P là số tiền do bị cáo Th tiêu thụ tài sản mà có lẽ ra cần phải tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, bị cáo Th đã cùng với các bị cáo Trần B, Hồ Thế H hoàn trả đủ số tiền 9.750.000 đồng là tiền bị cáo Th đã bán chiếc lắc vàng cho anh Lê Nhật Tr; trong đó phần của bị cáo Th hoàn trả là 4.050.000 đồng là tiền của bị cáo. Tại phiên tòa chị K có nguyện vọng xin nhận lại số tiền này và bị cáo Th cũng đồng ý trả số tiền này cho chị K. Xét thấy, để không làm thiệt hại đến quyền lợi của bị cáo Nguyễn Chí Th và sự thỏa thuận của bị cáo với chị K tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, việc trả lại số tiền này cho chị K không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên trả lại số tiền này cho chị K.

Về trách nhiệm chịu án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Đối với bị cáo Trần B (tức “X”): Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 1 Điều 138; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Trần B 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 27/10/2017.

Đối với bị cáo Hồ Thế H: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 1 Điều 138; Điều 17; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Hồ Thế H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Hồ Thế H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 27/10/2017.

Đối với bị cáo Nguyễn Chí Th (tức N): Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 1 Điều 250; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí Th phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí Th 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/3/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Chí Th cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được

hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên bố:

* Trả lại cho chị Lê Thị Thúy K 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng);

* Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu LIFAN (kèm theo giấy đăng ký xe mang tên Võ Thị D), biển kiểm soát 75 F7 - EFGH;

* Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu E-CoMobile màu xanh trắng của bị cáo Hồ Thế H;

* Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại của bị cáo Hồ Thế H;

* Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của bị cáo Trần B;

* Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại của bị cáo Trần B;

(Tất cả các vật chứng trên có số lượng, đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng số: 11/BBVC-CCTHADS ngày 22/01/2018 giữa Cơ quan Công an huyện P với Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1 mục I phần A của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần B, Hồ Thế H, Nguyễn Chí Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P (02 bản);
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã A, huyện P, tỉnh TT-Huế;
- Các bị cáo;
- Hồ sơ thi hành án hình sự;
- Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Ngọc Tú